

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-PT
Ngày 12-3-2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng.

Bà Lê Thị Trúc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc
Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28/02 và 12/3 năm 2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng
Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLPT- DS ngày 08
tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/ DS – ST ngày 31 tháng 10 năm
2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2019/QĐ – PT ngày 28
tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số X, QL 30, tổ Y, khóm O, phường R, thành phố Cao Lãnh,
tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Bà Võ Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số X, Đình Bộ Lĩnh, phường R, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng
Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2018).

Bị đơn: Võ Thị B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số X, tổ 25, khóm 3, phường R, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng
Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bùi Ngọc A, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số X, tổ 25, khóm 3, phường R, thành phố Cao Lãnh - Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông A: Bà Võ Thị B, sinh năm 1959 Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2019).

3. Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Mỹ D là nguyên đơn của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2018, biên bản hòa giải ngày 03/8/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D (có bà Võ Thị T là đại diện ủy quyền) trình bày:

Nguyên vào năm 2013, bà Nguyễn Thị Mỹ D có cho bà Võ Thị B vay số tiền 88.000.000 đồng; thời hạn vay thỏa thuận là 01 năm; không thỏa thuận lãi suất; khi vay bà B có làm biên nhận cho bà bà D.

Đến hạn, bà B chỉ trả cho bà D được 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 58.000.000 đồng thì bà B hứa sẽ trả cho bà D trong thời gian gần nhất. Tuy nhiên đến nay bà B vẫn chưa trả cho bà D.

Tại phiên hòa giải, bà Nguyễn Thị Mỹ D (có bà Võ Thị T là đại diện ủy quyền) yêu cầu bà Võ Thị B và ông Bùi Ngọc A liên đới trả số tiền vốn gốc 58.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện hợp pháp của bà D là bà T không đồng ý với kiến trình của bà B cho rằng đây là tiền hui, vì khoản nợ 58.000.000 đồng là tiền bà B vay của bà D và có biên nhận ngày 20/8/2013.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Mỹ D (có bà Võ Thị T là đại diện ủy quyền) trình bày: Số tiền 88.000.000 đồng ghi trên biên nhận là bà D cho bà B mượn chứ không phải nợ hui, nuôi heo bị lỗ ghi lại; ông A - chồng bà B có một vài lần đi nhận tiền giúp bà B nên bà D yêu cầu ông A liên đới trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B đã trả thêm được số tiền 13.000.000 đồng, còn lại 45.000.000 đồng, yêu cầu bà Võ Thị B liên đới cùng ông Bùi Ngọc A trả số tiền 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Tại biên bản làm việc ngày 20/7/2018 và tại phiên hòa giải ngày 03/8/2018, bị đơn bà Võ Thị B trình bày:**

Nguyên vào năm 2013, bà Nguyễn Thị Mỹ D có cho bà Võ Thị B vay số tiền 88.000.000 đồng, bà B hẹn trong vòng 01 năm sẽ trả, khi vay tiền bà B có làm biên nhận, không tính lãi. Nhưng số tiền này bà B kinh doanh vào việc nuôi heo và chơi hụi, nhưng do nuôi heo bị lỗ và bị bể hụi nên không thể trả dứt điểm cho bà D được, bà B cố gắng gom được số tiền 30.000.000 đồng trả cho bà D hai lần, 01 lần 20.000.000 đồng, 01 lần 10.000.000 đồng vào khoảng tháng 12 năm 2016. Do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả dứt cho bà D.

Bà Võ Thị B thừa nhận hiện nay bà B còn nợ bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền vốn 58.000.000 đồng. Số tiền này là tiền nợ hụi, bà B là đầu T, bà D là hụi viên, bà D tham gia nhiều dây hụi nhưng bà B không nhớ cụ thể dây hụi nào. Năm 2013, bà B bị bể hụi, sau khi tính toán thì bà B có ghi biên nhận, đã trả được tổng cộng 43.000.000 đồng, còn thiếu bà D số tiền 45.000.000 đồng. Việc vay tiền này chỉ do bà B thỏa thuận với bà D, Ông A hoàn toàn không biết đến việc làm ăn của bà B nên bà B không đồng ý việc bà D yêu cầu ông A có trách nhiệm liên đới với bà B trả cho bà D khoản nợ này.

Tại phiên sơ thẩm, bà Võ Thị B trình bày: Việc bà B vay mượn là do bà tự thỏa thuận với bà D, ông A hoàn toàn không biết việc vay mượn; việc bà B còn nợ lại bà D số tiền 45.000.000 đồng là do tự bản thân bà làm và bà B sinh sống một mình. Ông A làm nghề thợ hồ ít về nhà, thu nhập mỗi người độc lập nhau, bà B không có nuôi chồng con nên bà chỉ chấp nhận trả số tiền còn nợ lại cho bà D, không đồng ý ông A liên đới.

**** Tại văn bản ý kiến ngày 03/8/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2018, ông Bùi Ngọc A trình bày:***

Đối với số tiền vay giữa bà B - vợ ông với bà D thì ông hoàn toàn không biết và ông cũng không có sử dụng số tiền này, bởi vì do hoàn cảnh khó khăn ông phải đi làm thuê ở xa, nên chuyện vay mượn của bà B không có bàn bạc gì với ông và ông cũng không biết bà B vay số tiền này khi nào và để làm gì. Do đó nay ông A không đồng ý liên đới cùng bà B để trả số tiền vay cho bà D.

**** Tại quyết định bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST, ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tuyên xử:***

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với bà Võ Thị B.
- Buộc bà Võ Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền

45.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu ông Bùi Ngọc A có nghĩa vụ liên đới với bà Võ Thị B trả số tiền 45.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị B phải chịu 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.450.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ D được nhận lại số tiền 1.150.000 đồng theo biên lai thu số 0003320 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/11/2018, bà Nguyễn Thị Mỹ D kháng cáo với nội D: yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử sửa một phần nội D của bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh và chấp nhận yêu cầu của bà về việc yêu cầu bà Võ Thị B và ông Bùi Ngọc A có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 45.000.000 đồng. Đối với số tiền án phí 300.000 đồng mà Tòa sơ thẩm buộc bà phải chịu thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Thị T người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ D giữ nguyên nội D đơn kháng cáo ngày 12/11/2018 với nội D yêu cầu buộc ông Bùi Ngọc A phải có nghĩa vụ liên đới với bà Võ Thị B trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 45.000.000 đồng và bà không đồng ý nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D, yêu cầu buộc ông Bùi Ngọc A cùng có trách nhiệm liên đới với bà Võ Thị B trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay còn thiếu là 45.000.000 đồng vì cho rằng hiện nay ông A và bà B vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, hơn nữa, có một vài lần ông A là người trực tiếp đi gặp bà D nhận tiền vay; đồng thời kháng cáo không đồng ý chịu án phí 300.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: giữa bà D và bà B đều trình bày thống nhất nhau về việc vào năm 2013, bà B có vay của bà D tổng cộng 88.000.000 đồng; không có thỏa thuận lãi suất; thời hạn vay thỏa thuận là một năm; tính đến nay thì phía bà B đã trả được 43.000.000 đồng, còn lại 45.000.000 đồng; mặt khác, ông A chồng bà B cũng không có phản đối gì về các nội D trên mà chỉ cho rằng ông không hay biết, không có sử dụng số tiền vay đó và không đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định việc bà B có vay tiền của bà D là 88.000.000 đồng và đã trả 43.000.000 đồng, còn lại 45.000.000 đồng là có thật. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, buộc bà B phải có nghĩa vụ trả cho bà D 45.000.000 đồng là số tiền vay còn nợ nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà D, yêu cầu ông A phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà B đối với số nợ nói trên, thì Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù hôm nay giữa bà B và ông A vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân nhưng thời điểm vay tiền thì ông A đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt ở nhà, cả hai có cuộc sống riêng, kinh tế độc lập với nhau. Hơn nữa, việc bà B vay tiền bà D thì ông A hoàn toàn không biết; bà B không có bàn bạc với ông A về việc vay tiền này; ông A cũng không có ký biên nhận vay tiền cùng với bà B. Tại phiên tòa ông A cho rằng có nhận tiền hai ba lần, không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu và cụ thể ngày tháng năm nào và ông nhận tiền từ chị Ngân nhưng chị

Ngân từ chối không tham gia phiên tòa nên không đủ cơ sở xác định ông A có biết hoặc có sử dụng số tiền vay nói trên. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của bà D cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc ông A có sử dụng số tiền này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ông A phải có nghĩa vụ liên đới với bà B trả số tiền vay còn nợ 45.000.000 đồng cho bà D đồng thời phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu này là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bà D cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc ông A có sử dụng số tiền vay này thuộc trường hợp số tiền vay được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình của bà B và ông A theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà D.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kháng nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội D vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Tại phiên tòa bà Võ Thị B có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi và có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật nên miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà B.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà D không được chấp nhận nên bà D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 31/10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh về phần án phí.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

- Buộc bà Võ Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền vay 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu ông Bùi Ngọc A phải có nghĩa vụ liên đới với bà Võ Thị B trả số tiền 45.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Mỹ D.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Võ Thị B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.450.000 đồng. Nên bà Nguyễn Thị Mỹ D

được nhận lại số tiền 1.150.000 đồng theo biên lai thu số 0003320 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng mà bà D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004948 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Bà D đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- Chi cục THADS thành phố Cao Lãnh;
- Đường sự
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy